

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2024

CTCP Sản xuất và Thương mại Nam Hoa

Ngày 30/09/2024	12,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	6.3%	8.9%	8.0%

DT thuần Q3/24
109
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 35.5 48.2%
YoY: ▲ 62.6 135%

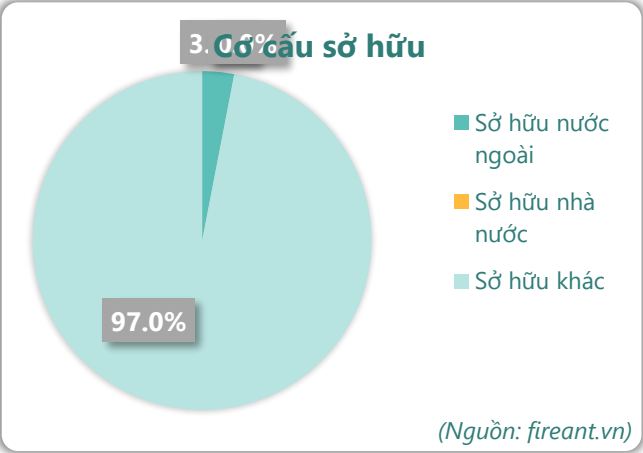
LN thuần Q3/24
7.69
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.14 69.0%
YoY: ▲ 18.6 171%

LN sau thuế Q3/24
9.09
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 7.29 405%
YoY: ▲ 19.5 187%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/24
9.5%
YoY: +/-▲ 3.7%

ROE (TTM) Q3/24
5.0%
YoY: +/-▲ 4.6%

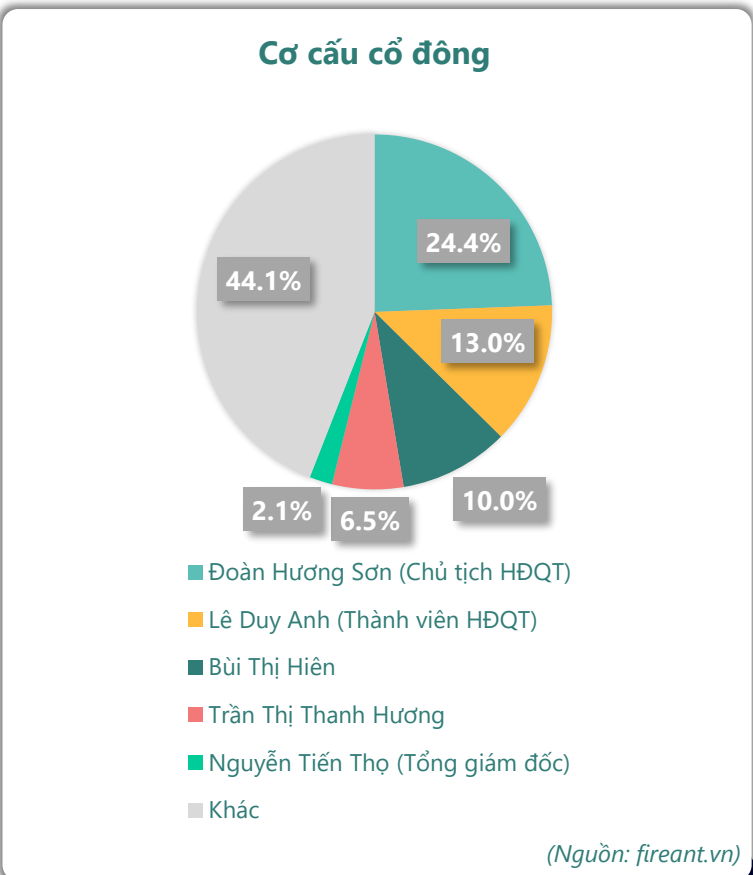
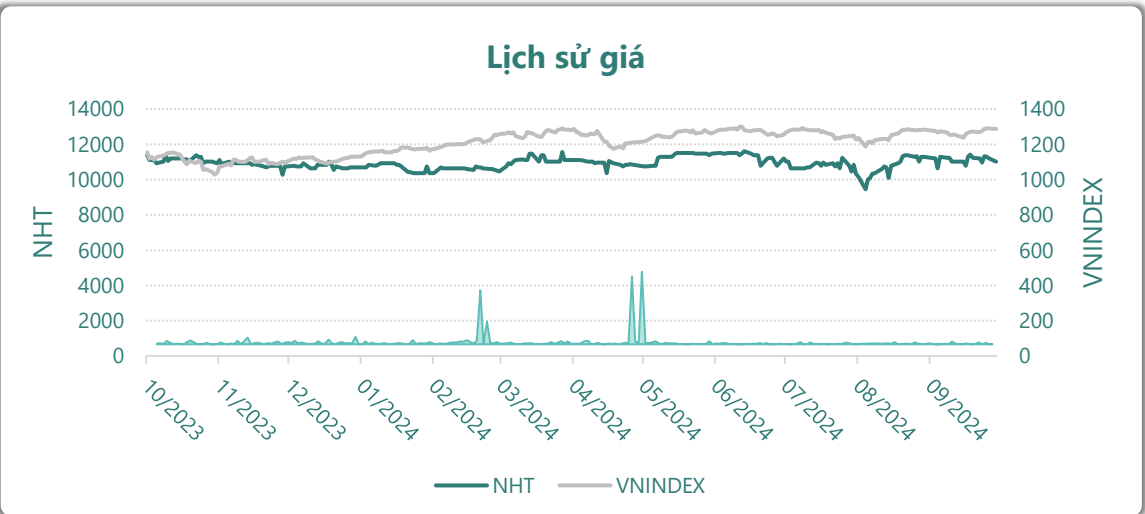
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	9,456 - 11,613
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	288
Số lượng CPLH (CP)	24,003,698
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,290
Sở hữu nước ngoài	3.0%
Beta	0.64
EPS	798
P/E	15.0



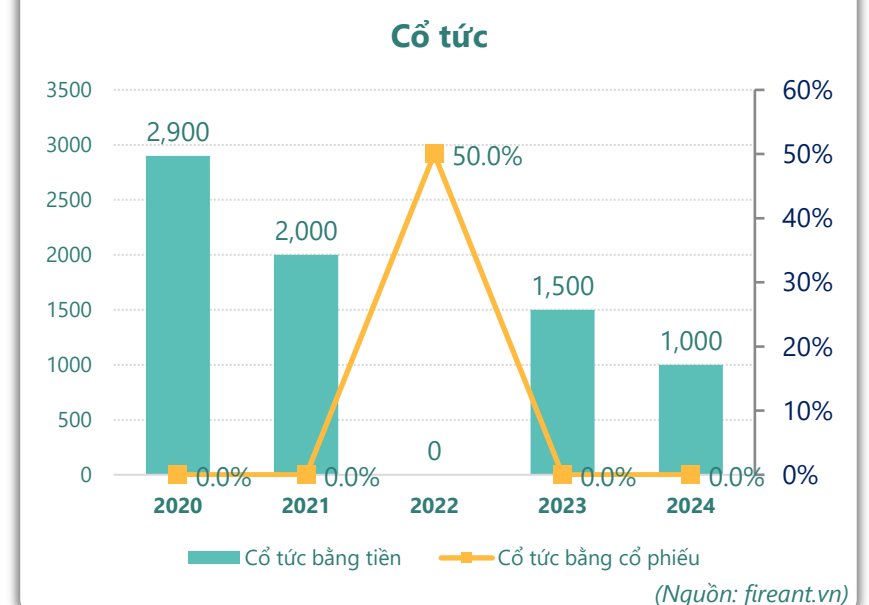
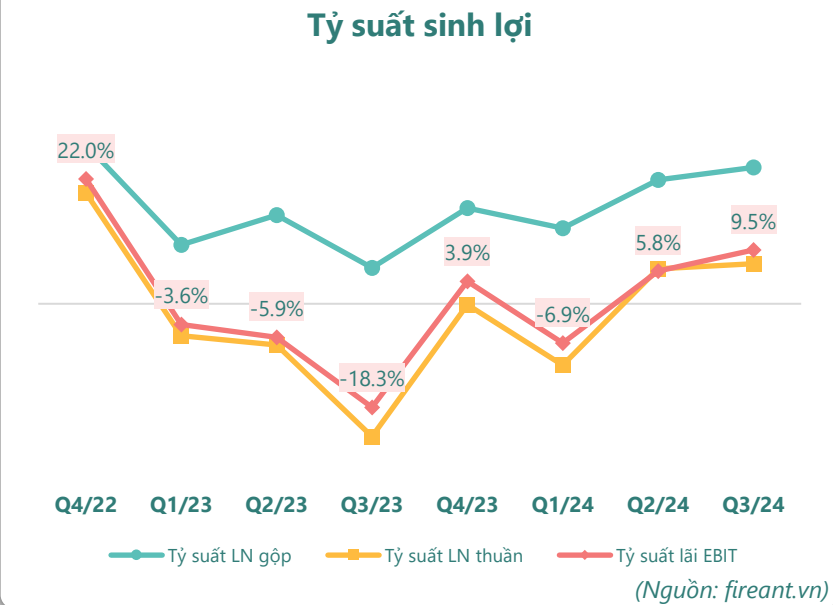
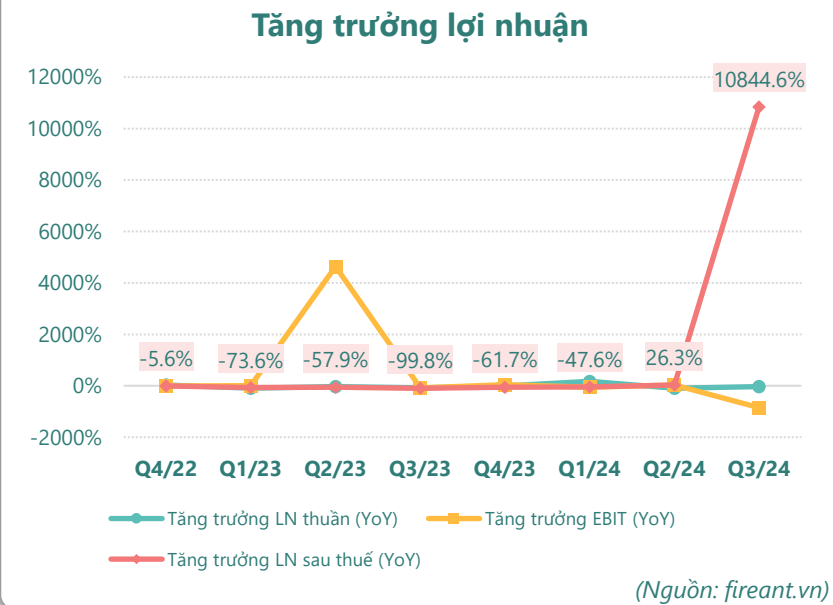
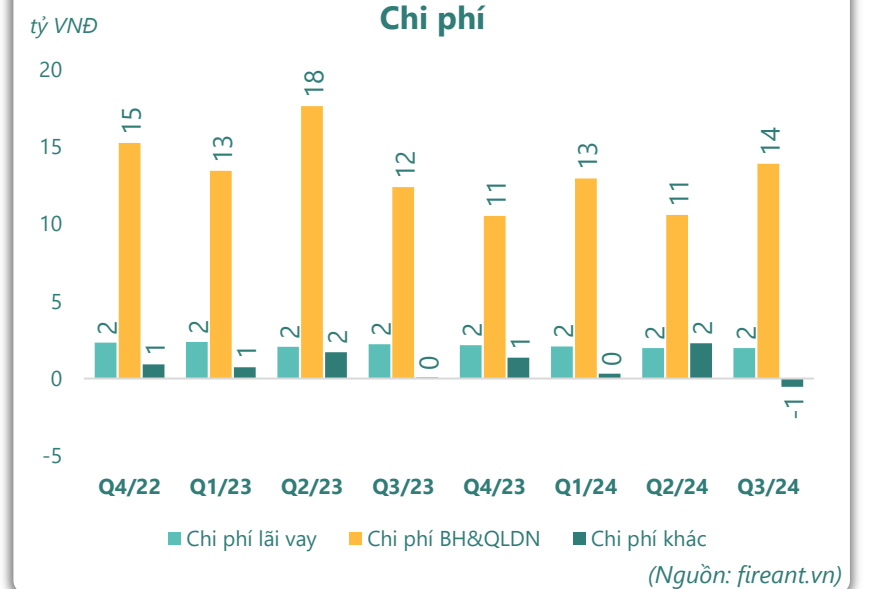
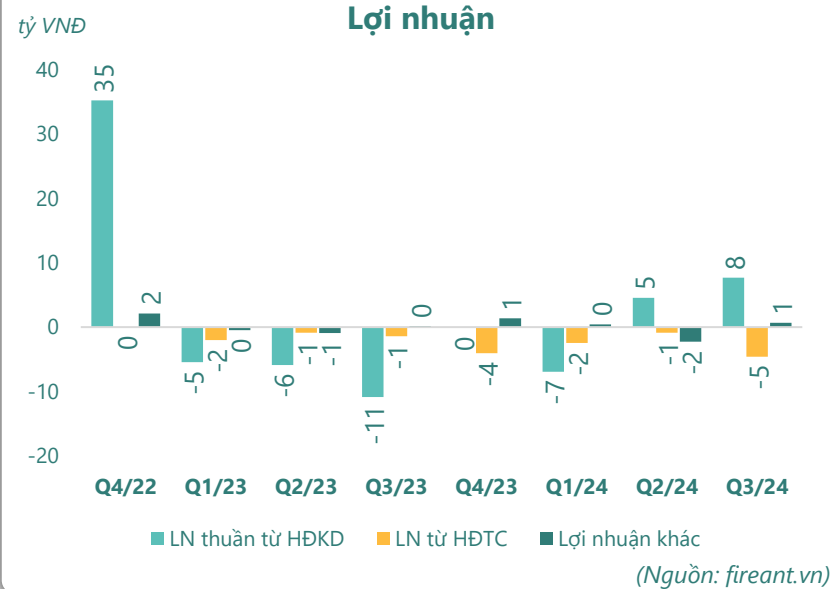
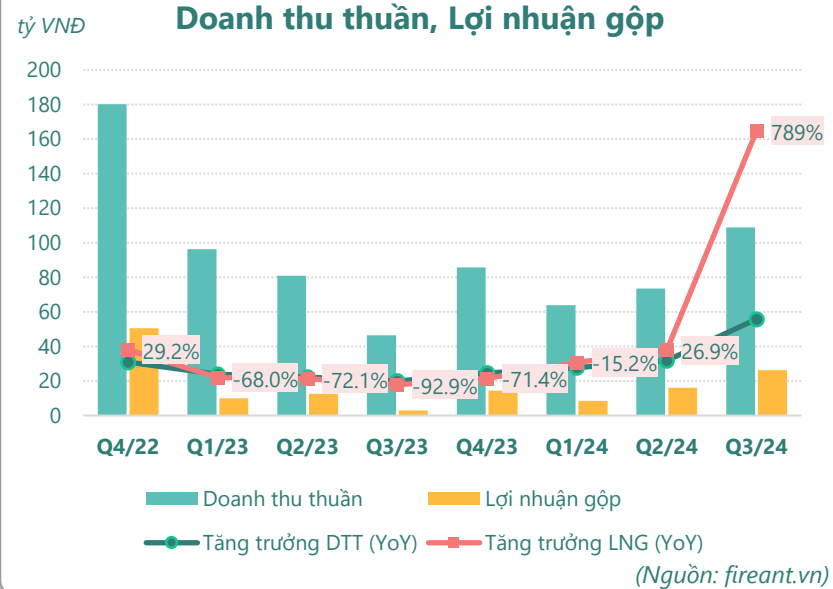
DT thuần 9T 2024
246
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 22.0 10.1%

LN thuần 9T 2024
5.31
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 27.5 124%

LN sau thuế 9T 2024
4.87
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 27.7 121%



KẾT QUẢ KINH DOANH



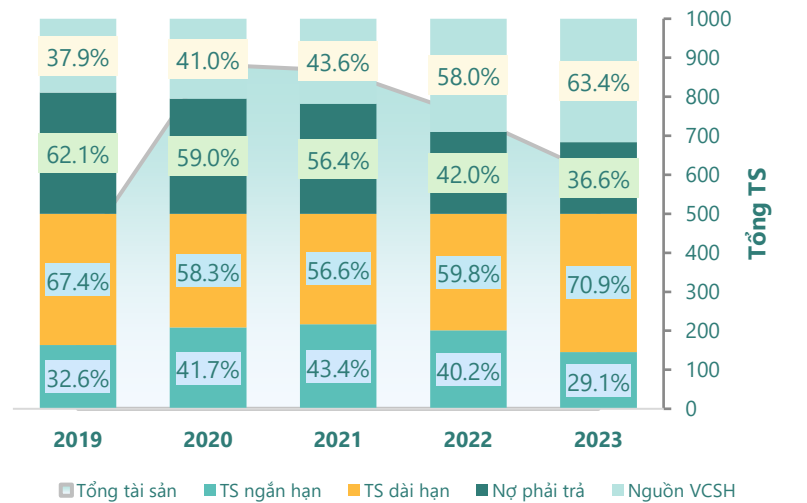


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

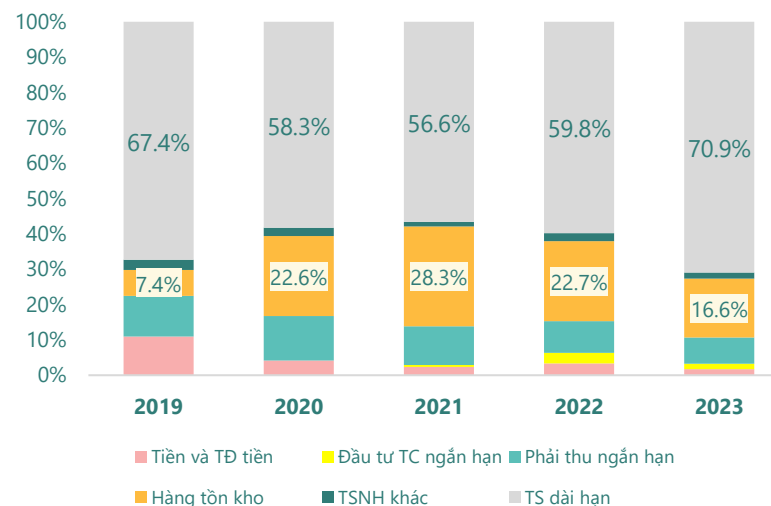
tỷ VNĐ

Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

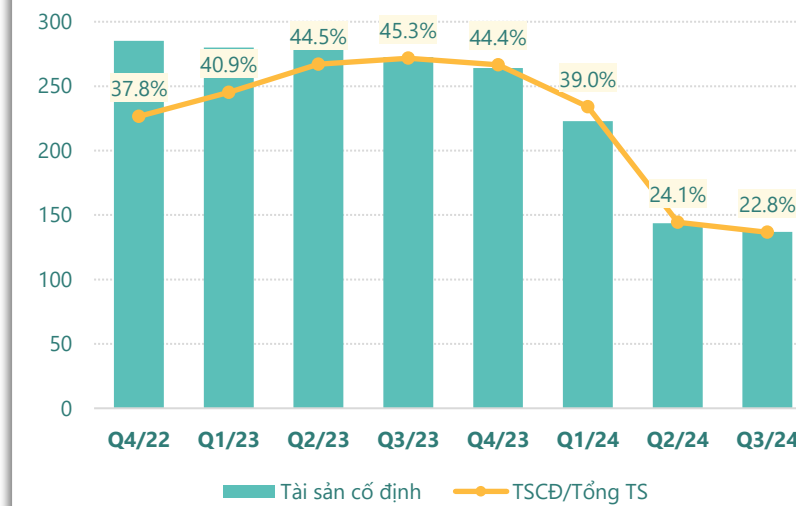
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

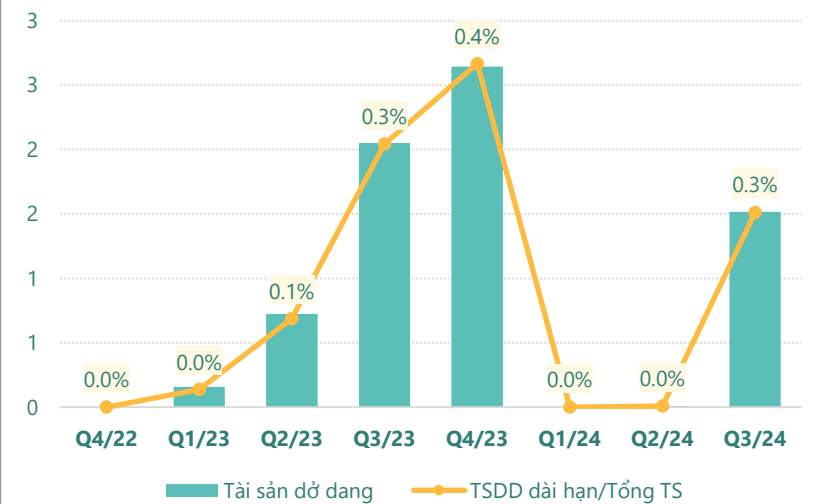
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

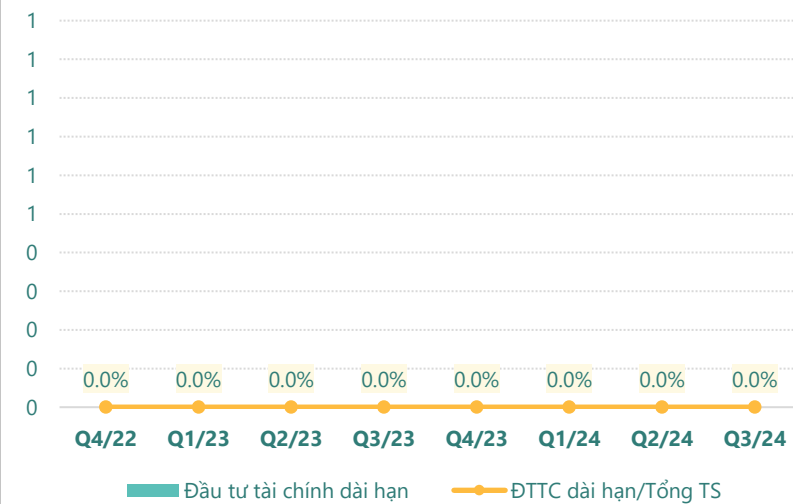
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

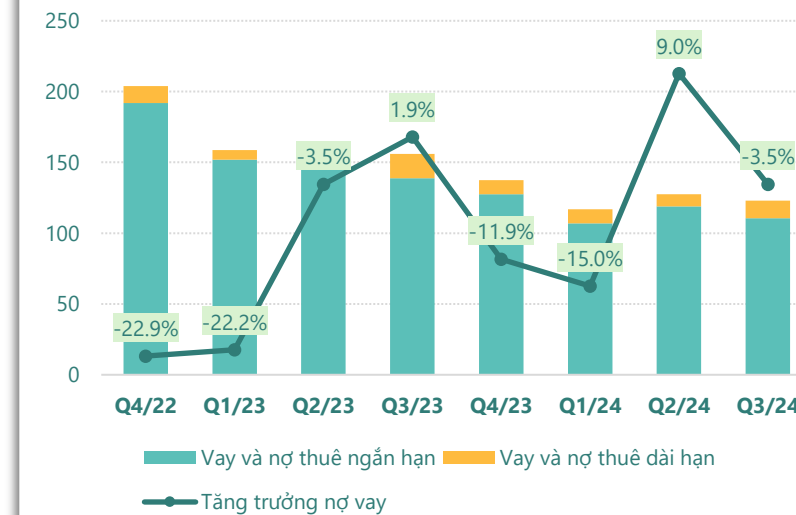
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

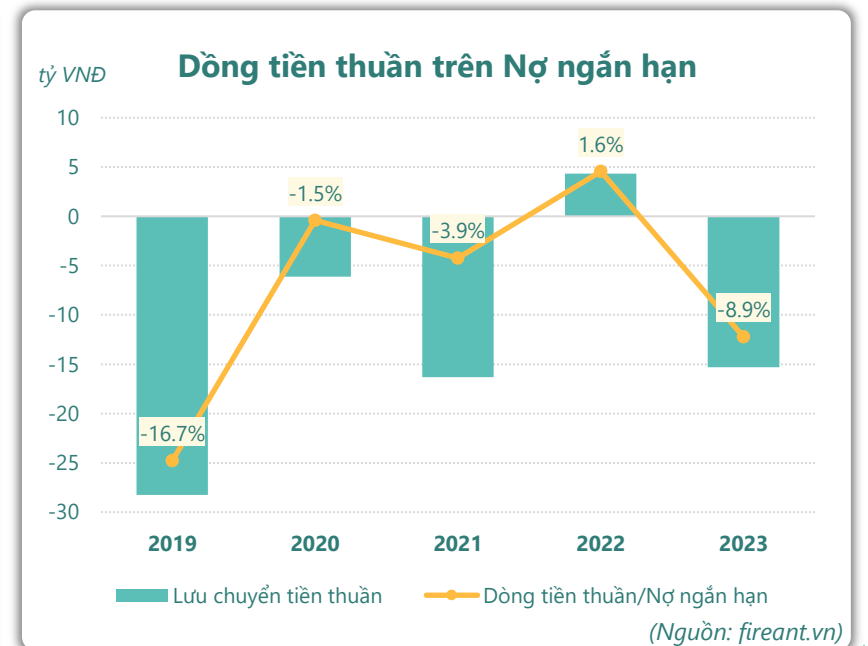
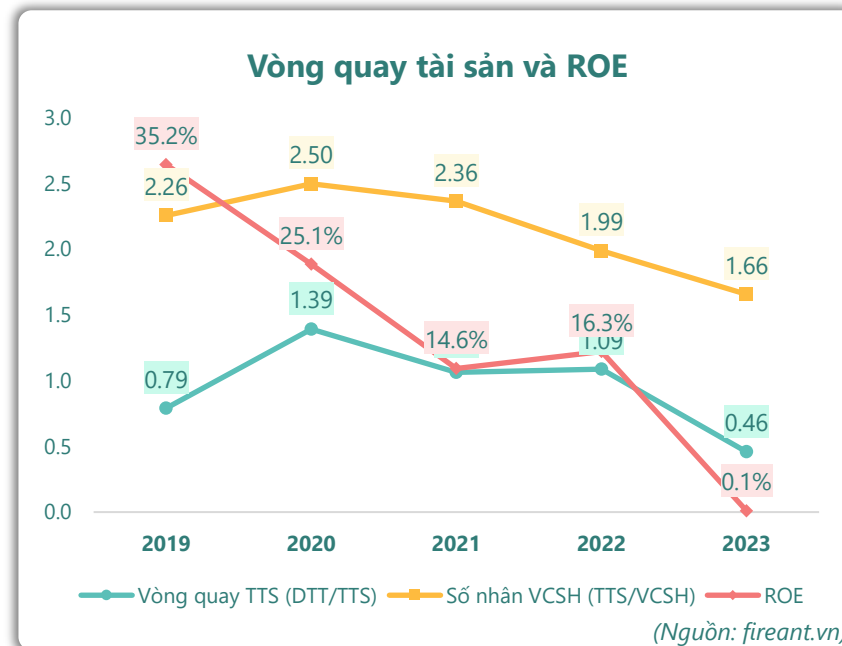
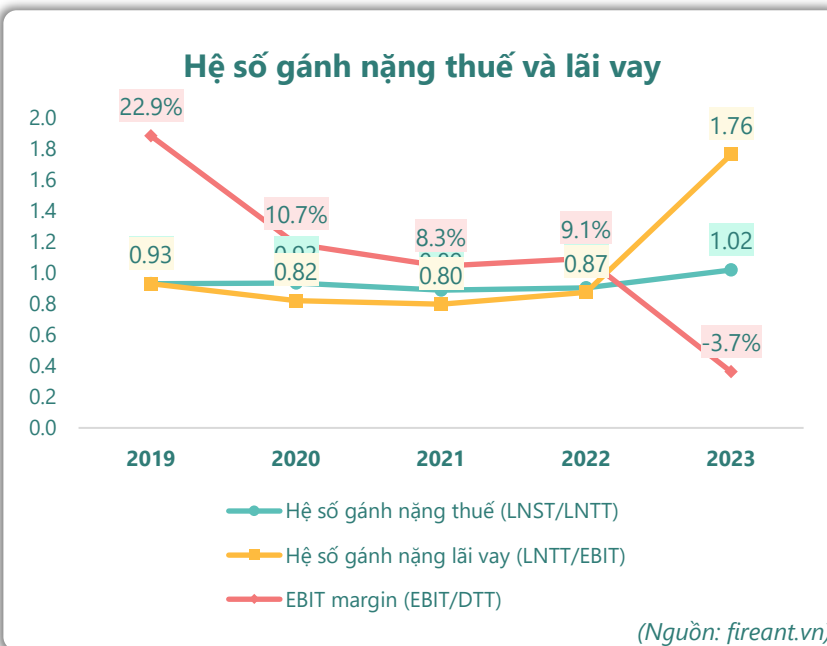
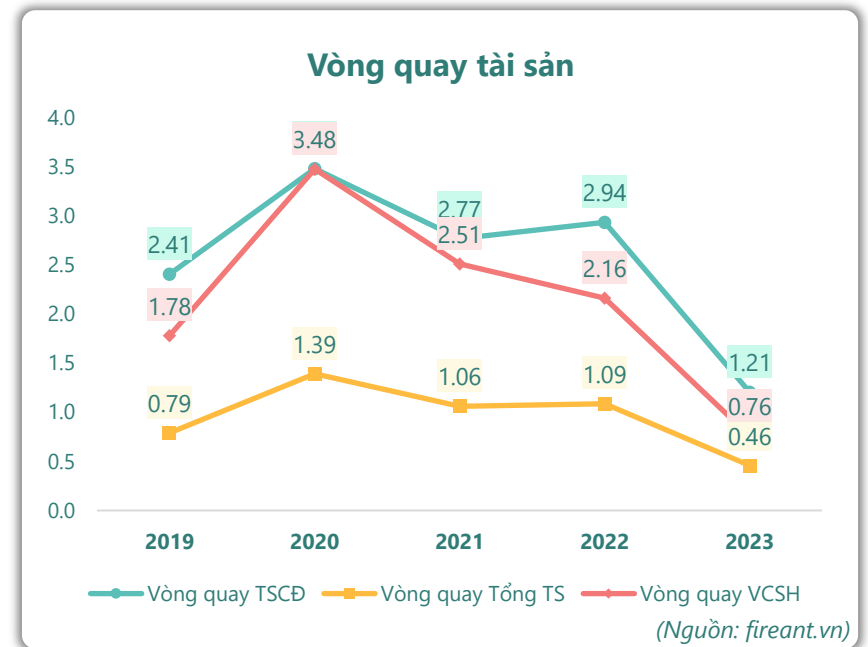
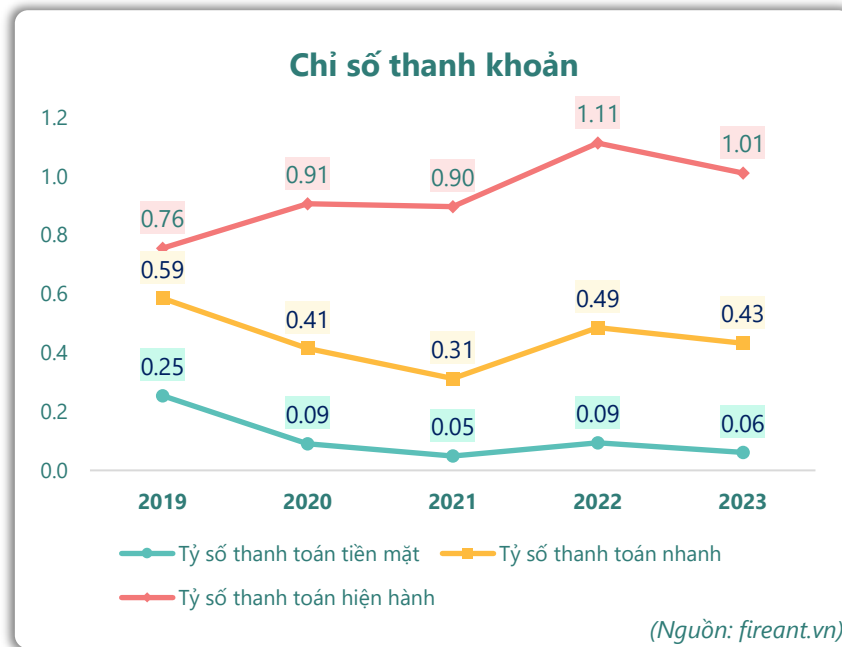
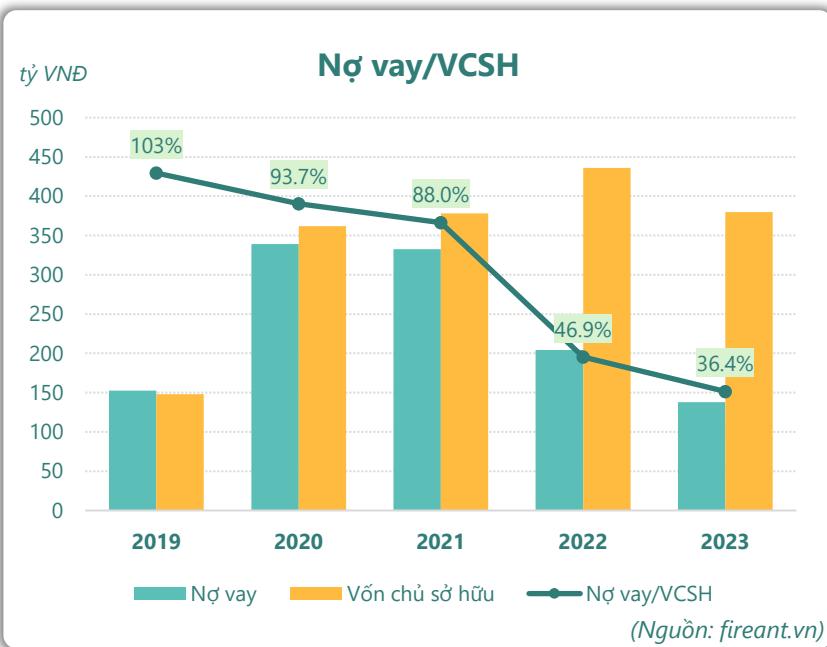
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	109	46.4	135%	246	224	10.1%
Giá vốn hàng bán	82.8	43.5	90.2%	195	198	-1.3%
Lợi nhuận gộp	26.2	2.95	788%	50.7	25.6	98.1%
Doanh thu HĐTC	-0.53	0.46	-214%	0.98	3.59	-72.7%
Chi phí TC	4.06	1.87	117%	8.90	7.90	12.7%
Chi phí lãi vay	1.97	2.22	-11.2%	6.03	6.66	-9.5%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	2.53	3.03	-16.5%	7.46	12.0	-37.7%
Chi phí QLDN	11.4	9.38	21.5%	30.1	31.6	-4.7%
LN thuần từ HĐKD	7.69	-10.9	171%	5.31	-22.2	124%
Lợi nhuận khác	0.69	0.17	308%	-1.14	-1.23	7.2%
LN trước thuế	8.38	-10.7	178%	4.16	-23.4	118%
Lợi nhuận sau thuế	9.09	-10.4	187%	4.87	-22.8	121%
LNST của CĐ cty mẹ	12.1	-5.27	330%	13.9	-4.81	388%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	30.1	23.1	15.9	19.4	-5.26	37.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.09	-13.6	1.51	-1.30	-1.11	-13.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-42.2	-6.23	-18.7	-21.2	10.6	-4.42
Tiền đầu kỳ	20.3	8.51	11.6	10.5	7.36	11.7
Lưu chuyển tiền thuần	-12.0	3.28	-1.37	-3.10	4.18	19.8
Ảnh hưởng tỷ giá	0.17	-0.17	0	0	0.14	-0.14
Tiền cuối kỳ	8.51	11.6	10.2	7.36	11.7	31.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	601	599	0.4%
Tài sản ngắn hạn	201	174	15.3%
Tiền và tương đương tiền	31.3	10.5	199%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.71	9.32	-81.7%
Phải thu ngắn hạn	69.2	44.3	56.2%
Hàng tồn kho	94.2	99.7	-5.5%
Tài sản ngắn hạn khác	4.50	10.4	-56.6%
Tài sản dài hạn	400	425	-5.8%
Phải thu dài hạn	0	0.04	-100%
Tài sản cố định	137	228	-40.0%
Bất động sản đầu tư	126	56.6	122%
Tài sản dở dang	1.52	2.64	-42.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	136	137	-0.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	217	220	-1.2%
Nợ ngắn hạn	166	172	-3.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	111	128	-13.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	26.4	27.0	-2.5%
Nợ dài hạn	51.4	47.4	8.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	12.4	9.85	25.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	384	380	1.3%
Vốn chủ sở hữu	384	380	1.3%
Vốn điều lệ	240	240	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

